

BỆNH VIỆN NỘI TIẾT TRUNG ƯƠNG
TRUNG TÂM ĐÀO TẠO VÀ CHỈ ĐẠO TUYẾN



KẾT QUẢ CHẨN ĐOÁN PHÁT HIỆN SỚM
ĐTĐ TYPE 2 TẠI CỘNG ĐỒNG

Le Phong MD, PhD

ĐẶT VẤN ĐỀ

- Theo IDF, ngày nay có 80-90% ĐTĐ2 chưa được chẩn đoán tại cộng đồng tại các nước có thu nhập thấp và trung bình. Tỷ lệ này là 30% ở các nước phát triển.
- Dự đoán rằng tỷ lệ IGT 280 triệu (6.1%)- năm 2012 và 398 triệu (7.2%)- năm 2030
- Việt Nam nghiên cứu BVNTTW 75% ĐTĐ2 chưa được chẩn đoán tại cộng đồng. Tỷ lệ tiền ĐTĐ là 10%

Dự phòng cấp 1		Dự phòng cấp 2	Dự phòng cấp 3
Toàn bộ quần thể	Người có YTNC	Người bệnh ĐTĐ	Biến chứng
<ul style="list-style-type: none"> - Khảo sát KAP về phòng chống ĐTĐ (2 năm/lần) nhằm kiểm chứng sự hiểu biết của người dân về PCĐTĐ để từ đó xây dựng KH truyền thông phù hợp từng vùng miền trong cả nước - Xây dựng tài liệu TT - Đẩy mạnh truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng về PCĐTĐ 	<ul style="list-style-type: none"> - Sàng lọc phát hiện sớm ĐTĐ - Quản lý và hướng dẫn tư vấn cho người tiền ĐTĐ nhằm giảm sự tiến triển của bệnh - Điều trị sớm và hướng dẫn dự phòng người bệnh ĐTĐ mới được chẩn đoán - Các đối tượng có nguy cơ cao được hướng dẫn dự phòng về DD và luyện tập 	<ul style="list-style-type: none"> - Điều trị theo đúng phác đồ, đảm bảo người bệnh tiếp cận điều trị thuận lợi, kinh tế, hiệu quả - Tư vấn hướng dẫn dự phòng các biến chứng. - Giáo dục người bệnh biết cách tự chăm sóc SK, theo dõi glucose máu. - Xây dựng các câu lạc bộ người bệnh ĐTĐ - Sàng lọc phát hiện sớm các YTNC như lao... 	<ul style="list-style-type: none"> - Người bệnh được điều trị tích cực, giảm xuất huyết thận phế hoặc gây tử vong. - Tăng cường tư vấn, vận động người bệnh thực hiện chế độ điều trị theo đúng phác đồ. - Các đối tượng này được kiểm tra và lập sổ theo dõi

MỤC TIÊU

- Phát hiện sớm và quản lý người bệnh ĐTĐ và tiền ĐTĐ
- Can thiệp sớm nhằm làm giảm hoặc làm chậm sự tiến triển của bệnh ĐTĐ và tiền ĐTĐ và các biến chứng của bệnh

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Đồng thuận IDF/WHO khuyến cáo sàng lọc với phương pháp (2005):

- Sàng toàn bộ quần thể
- Sàng lọc cơ hội
- Sàng lọc mục tiêu (Việt Nam lựa chọn sàng lọc mục tiêu) vì
 - + Mạng lưới Y tế
 - +Chẩn đoán cộng đồng
 - + Khả năng tiếp cận của cộng đồng: kiến thức
- PPV 16% và độ nhạy là 83% và độ đặc hiệu là 75%.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

- Địa điểm: triển khai 63 tỉnh thành
- Bước 1: Xác định những người có thể có nguy cơ cao
- Bước 2: Xác định YTNC, test glucose máu, OGTT
- Bước 3: Can thiệp để ngăn chặn sự phát triển của tiền ĐTĐ. Mỗi đơn vị thực hiện DA sẽ có phòng tư vấn, hàng tháng tiền ĐTĐ sẽ được kiểm tra Glucose máu, BMI... Tư vấn và dinh dưỡng và hoạt động thể lực
- Biểu ghi chép theo dõi: tỷ lệ BT, Tiến triển ĐTĐ, không thay đổi, tử vong.

PHIẾU TỰ ĐÁNH GIÁ NGUY CƠ MẮC BỆNH ĐTĐ

Dành cho những người chưa được chẩn đoán mắc ĐTĐ

1. Tuổi của Ông/bà là bao nhiêu?

--	--

2. Ông/bà cho biết thông tin sau:

Cân nặng :..... kg

Chiều cao:..... m

BMI :

Ghi chú: BMI được dùng để đánh giá xem một người có cân nặng bình thường hay là không. Chỉ số này được tính toán bằng cách chia cân nặng (kg) cho chiều cao bình phương.

(Cán bộ y tế sẽ tính chỉ số này)

☐ Thấp hơn 23 kg/m²

☐ Cao hơn 23 kg/m²

3. Vòng eo của ông/bà là bao nhiêu? (Đo ở mức ngang qua rốn)

Nam

Nữ

☐ < 90 cm

< 80 cm

☐ ≥ 90 cm

≥ 80 cm

4. Ông/bà có đủ 30 phút hoạt động thể lực (lao động chân tay, luyện tập thể lực) một ngày không?

☐ Có

☐ Không

5. Ông/bà ăn rau, các loại quả thường xuyên như thế nào?

☐ Ăn hàng ngày

☐ Không ăn hàng ngày

6. Ông/bà đã bao giờ được chẩn đoán bị cao huyết áp chưa?

☐ Có

☐ Không

7. Ông/bà đã bao giờ được chẩn đoán bị tăng đường máu chưa? (Trong các cuộc khám kiểm tra sức khỏe, trong thời gian bị ốm, hoặc trong quá trình mang thai)?

☐ Có

☐ Không

8. Gia đình ông/bà (bố, mẹ anh chị em ruột) có ai bị mắc đái tháo đường (tiểu đường) không?

☐ Có

☐ Không

Câu hỏi dành cho nữ giới

9. Bà đã bao giờ đẻ con nặng trên 3,6 kg chưa?

☐ Có

☐ Không

10. Bà đã từng được chẩn đoán là mắc đái tháo đường thai kỳ chưa?

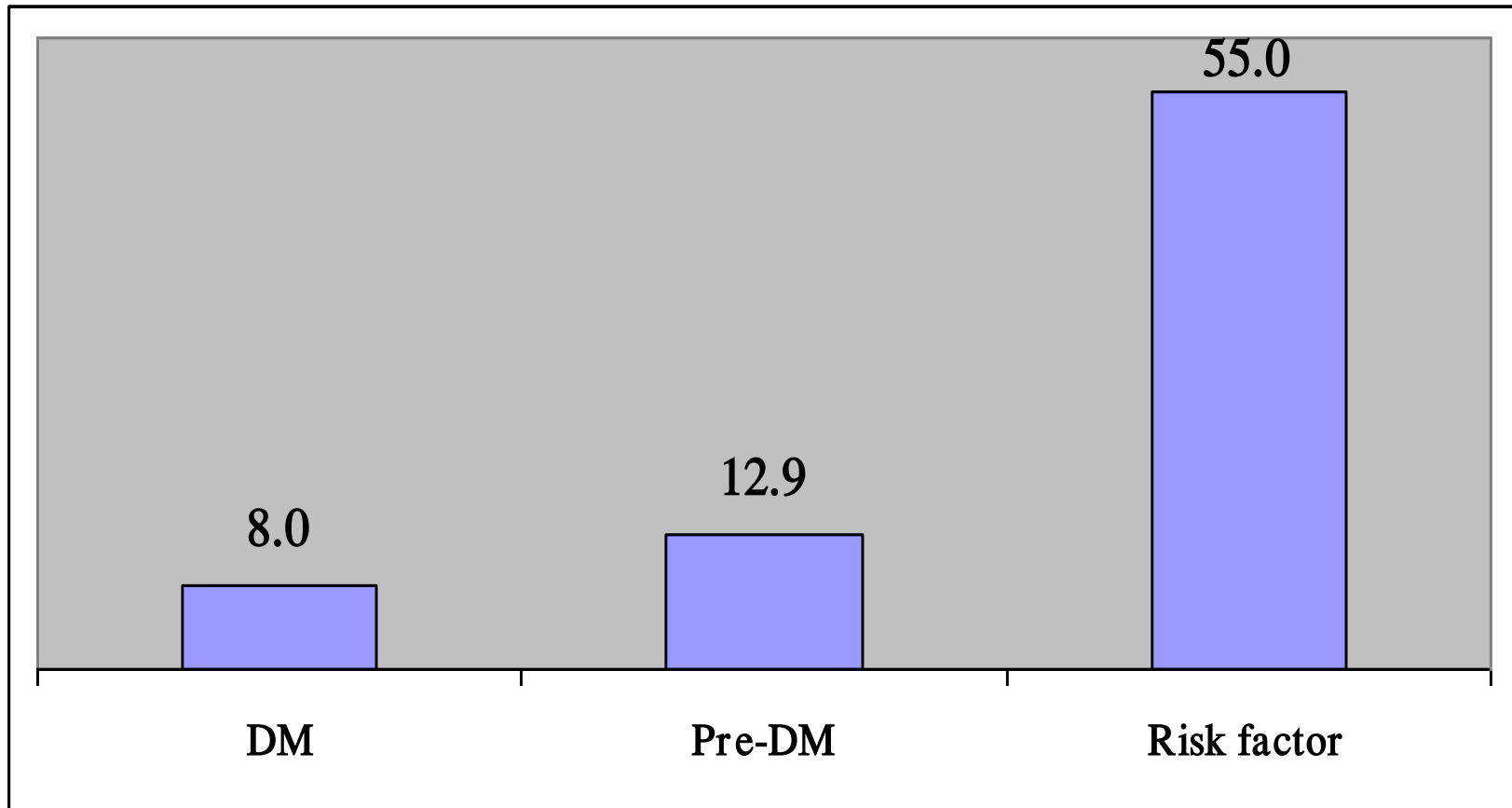
☐ Có

☐ Không

Tỷ lệ bệnh đái tháo đường type 2, Tiền ĐTĐ và các yếu tố nguy cơ trong những người tham gia nghiên cứu

	Total		Men		Women		p
	n	%	n	%	n	%	
DM	8892	8.0	2863	8.8*	6017	8.2*	>0.05
P-DM	14.232	12.9	3987	12.2*	10227	13.9*	>0.05
WC	34855	31.5	5525	16.7**	29276	39.1**	<0.01
HP	28471	25.7	10760	32.8**	17666	23.8**	<0.01
LD	7347	6.6	2150	6.5*	5197	6.9*	>0.05
BMI	65261	59.0	19849	59.8*	45404	60.6*	>0.05
<30'	103291	71.2	32037	94.6*	71182	93.0*	>0.05
HIS	8362	7.5	734	4.8*	5908	7.9*	>0.05

Tỷ lệ bệnh đái tháo đường type 2, Tiền ĐTĐ



Phân phối của bệnh đái tháo đường và tỷ lệ tiền đái tháo đường ở nam giới và phụ nữ theo nhóm tuổi

	Men 33.930 (30.7%)		Women 76.662 (69.3%)	
	n	%	n	%
Type 2 diabetes				
30-45	404	14.1	871	14.5
46-54	891	31.1	1762	29.3
55-69	1568	54.8	3384	56.2
Pre-diabetes				
30-45	623	15.6	1971	19.3
46-54	1235	31.0	3220	31.5
55-69	2129	53.4	5063	49.2

Tỷ lệ các yếu tố nguy cơ trong nhóm nghiên cứu theo nhóm tuổi: vòng bụng

	Group age of men			Group age of women		
	30-45	46-54	55-69	30-45	46-54	55-69
W.C with normal	83.3	81.5	84.4	69.9	59.0	55.6
W.C with abnormal	16.7	18.5	15.6	30.1	41.0	44.4

Tăng huyết áp

	Group age of men			Group age of women		
	30-45	46-54	55-69	30-45	46-54	55-69
normal	81.7	69.7	57.8	90.9	77.7	64.0
abnor- mal	18.3	30.3	42.2	9.1	22.3	36.0

Lipid disorder

	Group age of men			Group age of women		
	30-45	46-54	55-69	30-45	46-54	55-69
normal	94.6	92.8	93.4	96.1	92.9	91.0
abnor- mal	5.4	7.2	6.6	3.9	7.1	9.0

BMI (Kg/m²)

	Group age of men			Group age of women		
	30-45	46-54	55-69	30-45	46-54	55-69
<23	44.0	44.5	35.3	35.1	43.9	39.0
>23	56.0	55.5	67.7	64.9	56.1	61.0

Hoạt động thể lực

	Group age of men			Group age of women		
	30-45	46-54	55-69	30-45	46-54	55-69
>30'	5.8	6.3	4.6	8.5	8.1	4.9
<30'	94.2	93.7	95.4	91.5	91.9	95.1

Tiền sử gia đình mắc bệnh ĐTĐ

	Group age of men			Group age of women		
	30-45	46-54	55-69	30-45	46-54	55-69
None DM	89.3	91.9	95.2	89.3	91.5	94.7
DM	10.9	8.1	4.8	10.7	8.5	5.3

Kết quả tư vấn và quản lý

Content	The consultant time			
	n	Diabetes	Pre-DM	Risk factor
Screening results	110.591	8.892	14.232	77.972
Consultant results	61.433	5.390	26.248	15.761
Follow up after screening	25,34%	47,78%	55,79%	20,21%

BÀN LUẬN

- Tổng số 110.591 người dân có YTNC tuổi 30-69 đã được sàng lọc năm 2010
- Nam giới 33930 (30.7%), nữ giới 76622(69.3%). Tỷ lệ ĐTĐ type 2 là 8% (n=8.892) và tiền ĐTĐ: 12.9% (n=14.232).
- Tỷ lệ ĐTĐ type ở nam và nữ giới 2863 (8.8%) and 6071 (8.2%).

BÀN LUẬN

- Cho đến nay Việt Nam chưa xây dựng bảng điểmYTNC cho người Việt Nam nên việc sàng lọc gặp nhiều khó khăn.
- Theo ước tính của chúng tôi, chi phí cho một trường hợp sàng lọc xấp xỉ là 45.000 đồng/trường hợp.
- Việc sàng lọc ở nước ta hiện vẫn còn thụ động,
- Truyền thông thay đổi hành vi nâng cao nhận thức nguy hại của ĐTĐ vẫn còn nhiều thách thức.



THANK YOU VERY MUCH FOR YOUR ATTENTION